

Tên:

Lớp: S6...

Ngày giao bài: Thứ, ngày/.....

Ngày nộp bài: Thứ, ngày/.....



Week: 2

Ngữ pháp HW:

Nghe HW:

UNIT 1: REVIEW PRESENT PERFECT & PREPOSITIONS BEFORE NOUNS AND KET LISTENING PART 2

A. THEORY

I. GRAMMAR: PRESENT PERFECT

Nội dung	Present Perfect (Thì hiện tại hoàn thành)	
Cách dùng	- Diễn tả hành động bắt đầu trong quá khứ và vẫn tiếp tục ở hiện tại. - Diễn tả trải nghiệm hoặc hành động đã xảy ra một hay nhiều lần cho đến hiện tại mà không rõ thời điểm cụ thể trong quá khứ. - Diễn tả hành động vừa mới xảy ra hoặc đã xảy ra và có kết quả ở hiện tại. - Diễn tả hành động xảy ra trong khoảng thời gian chưa kết thúc.	
Công thức	(+) S + have/has + V3/ed	Eg: I have finished my homework.
	(-) S + have/has + not + V3/ed (have not = haven't, has not = hasn't)	Eg: Tom hasn't completed the project yet.
	(?) Have/Has + S + V3/ed ...?	Eg: Have you finished your homework?
	(Wh?) Wh-word + have/has + S + V3/ed?	How many books has he read this month?
Dấu hiệu nhận biết	just, already, yet, ever, never, recently / lately, so far / until now / up to now, before several times / many times / twice for + khoảng thời gian, since + mốc thời gian This is the first/second time ...	

II. PREPOSITIONS BEFORE NOUNS

No.	Words / Phrases	Meanings	No.	Words / Phrases	Meanings
1	on our planet (phr)	trên hành tinh của chúng ta	7	in the middle (phr)	ở giữa
2	to the equator (phr)	đến / so với đường Xích đạo	8	at one end (phr)	ở một đầu
3	to the north (phr)	về phía Bắc	9	into sections (phr)	thành các phần
4	to the south (phr)	về phía Nam	10	into minutes (phr)	thành các phút
5	with lines (phr)	bằng / với các đường kẻ	11	from east to west (phr)	từ Đông sang Tây
6	between the poles (phr)	giữa hai cực	12	in degrees (phr)	đơn vị độ

III. EXTRA VOCABULARY

Con bấm vào link/code để nghe và đọc lại từ vựng nhé:
https://soundcloud.com/ms-chi-english/viet_s6_w2_extra-vocab



No.	Words / Phrases	Meanings	No.	Words / Phrases	Meanings
1	language course (phr)	khoá học ngôn ngữ	6	affordable (adj)	(giá cả) phải chăng
2	community centre (phr)	trung tâm cộng đồng	7	extra (adj)	thêm, bổ sung
3	opportunity (n)	cơ hội	8	necessary (adj)	cần thiết
4	decide to do sth (phr)	quyết định làm gì	9	available (adj)	có sẵn
5	take place (phr)	diễn ra	10	registration (n)	sự đăng kí

III. LISTENING TIP



Tip làm bài Listening KET Part 2

Nghe điền từ / số / ngày / giờ



1. Đọc đề bài

Xác định yêu cầu đề bài:
 "Write one word, a number, a date or a time".



2. Đọc phiếu điền

Xác định từ khoá và gạch chân từ khoá trước khi nghe.



3. Khi nghe

Nghe toàn bộ cả câu, tránh đáp án nhiều, và viết đáp án đúng theo yêu cầu đề bài.

Ví dụ phiếu điền (minh hoạ)

New Language Course

Location: Community Centre

Course end date:

Classes will be on: and Fridays

Languages offered: Spanish and

Total cost: £ → số tiền

What to send with registration: copy of

B. CLASSWORK

LISTENING KET PART 2

Con truy cập link/quét mã QR để làm bài nghe nhé:
https://soundcloud.com/ms-chi-english/viet_s6_w2_ket-listening-part



You will hear a woman giving information about a new language course.
 For each question, write the correct answer in the gap. Write **one word, a number, a date or a time**.

New Language Course

Location: Community Centre

Course end date: 1

Classes will be on: 2 and Fridays

Languages offered: Spanish and 3

Total cost: £ 4

What to send with registration: copy of 5

GRAMMAR (10 questions)

I. Choose the correct answers.

- Canada is located _____ of the United States, so temperatures there are generally lower in winter.
 A. to the north B. in the middle C. with lines D. in degrees
- Antarctica lies far _____ of most countries and is covered with ice throughout the year.
 A. from east to west B. to the south
 C. between the poles D. with lines
- Lines of longitude run _____ and help us measure positions around the Earth.
 A. to the south B. in the middle C. between the poles D. to the north

4. The Equator lies _____ of the Earth and divides the planet into the Northern and Southern Hemispheres.
A. from east to west B. in the middle C. on our planet D. to the south
5. Lines of latitude extend _____ around the Earth and are parallel to the Equator.
A. between the poles B. in the middle
C. at one end D. from east to west

II. Put the words in the correct order to make complete sentences.

1. has / my class / used / for three months / this learning app to practise vocabulary / .
→ _____
2. have / the students / their group presentation yet / not finished / because / they need more pictures / .
→ _____
3. your brother / learning English / ever tried / has / with an AI chatbot at home / ?
→ _____
4. we / have / about / enough information for our project / already collected / renewable energy / .
→ _____
5. the teacher / has / just sent / us / a new worksheet / to review today's lesson / .
→ _____

C. HOMEWORK

GRAMMAR (20 questions)

I. Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ ở phần II. Extra Vocabulary (trang 1) 1 dòng vào vở ghi.

II. Match the phrases with their descriptions.

1. at one end	A. used to describe how angles, latitude, or longitude are measured
2. into sections	B. at one side or the final point of something long
3. into minutes	C. referring to somewhere on Earth
4. on our planet	D. separated into smaller parts or areas
5. in degrees	E. divided into smaller units of time or angle measurement

Your answer:

1. _____ 2. _____ 3. _____ 4. _____ 5. _____

III. Choose the correct answers.

1. Our English teacher (has / have) created several short videos to help us review difficult grammar points at home.
2. I have studied at this language centre (since / for) September 2025, and I still enjoy coming here every week.

3. The students haven't uploaded their final projects (already / yet) because they are still checking some small mistakes.
4. Have you (ever / never) used an online dictionary to check the pronunciation of a new English word?
5. My cousin has (yet / just) finished her homework, so she is now helping her younger brother with his maths exercises.

IV. Complete the paragraph with the Present Perfect form of the verbs in brackets.

The Development of Artificial Intelligence

Artificial intelligence has become an important part of modern life. Over the past few years, AI (1) _____ (develop) very quickly and become more useful in many different areas. Scientists and engineers (2) _____ (create) many new AI tools that can understand language, produce pictures and answer questions. However, some schools (3) _____ (not use) AI widely yet because teachers are still learning how to use it effectively. AI (4) _____ (change) the way people study, work and communicate in many parts of the world. So far, researchers (5) _____ (not solve) all the problems connected with AI, so they are still working to make the technology safer and more useful.

V. Rewrite each sentence using the Present Perfect Simple and the word in brackets. Do not change the meaning.

1. I started using this English-learning app three months ago, and I still use it now. (FOR)
→ I _____
2. This is the first time I have asked my friends to practise speaking English with me (NEVER)
→ I _____
3. The last time Emma visited her grandparents was last summer. (SINCE)
→ Emma _____
4. Leo finished his school project a few minutes ago. (JUST)
→ Leo _____
5. They started working on this environmental project in January, and they are still working on it. (SINCE)
→ They _____

LISTENING PRACTICE (5 questions)

Con truy cập link/quét mã QR để làm bài nghe nhé:
https://soundcloud.com/ms-chi-english/viet_s6_w2_ket-listening-part



Listen to KET Listening Practice Part 2 at page 2 again and choose T (True) or F (False).

1. The language course will start in September. _____
2. Students will have classes on Wednesdays and Fridays. _____
3. Students can study French, Spanish, or Italian. _____
4. The full course costs £180 for ten weeks. _____
5. Students need to send a copy of their passport to join the course. _____